

Bản án số: 617/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 27-9-2024  
“V/v Tranh chấp HNGĐ - xin ly hôn,  
nuôi con chung”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thúy An

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Hoàng Nam

Bà Trần Ngọc Điệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 769/2023/TLST - HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê T - sinh năm: 1988 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L - Sinh năm: 1987 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp S, ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - chị Lê T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L tự tìm hiểu khoảng 05 tháng thì được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2021, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Sau khi cưới, chị và anh L chung sống không hạnh phúc, anh L thường xuyên có hành vi bạo lực, đập phá tài sản. Gia đình hai bên đã hòa giải, động viên nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay chị T

yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Cẩm M - sinh ngày: 03/11/2009 và Nguyễn Đ - sinh ngày 12/12/2016. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng và giao cháu M cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, triệu tập tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh L không trình bày ý kiến, không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Lê T khởi kiện xin ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Văn L. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Lê T và anh Nguyễn Văn L cưới nhau vào năm 2009, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị T xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do phù hợp tính ý, thường xuyên bất đồng quan điểm, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình....*". Anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không sống chung trong một khoảng thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh L không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và không đến Tòa án tham gia tố tụng. Xét thấy

tình trạng hôn nhân của anh chị ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho chị Lê T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

[2.2] Về con chung:

Theo lời trình bày của chị T và giấy khai sinh có cơ sở xác định, chị T và anh L có 02 con chung tên Nguyễn Cẩm M - sinh ngày: 03/11/2009 và Nguyễn Đ - sinh ngày 12/12/2016. Chị T yêu cầu được tiếp tục cháu Đ và giao cháu M cho anh L tiếp tục nuôi con. Chị T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng.

Xét thấy hiện cháu M đang chung sống ổn định với anh L, cháu M trên 07 tuổi và có văn bản thể hiện nguyện vọng tiếp tục chung sống với anh L do đó ý kiến của chị T về việc tiếp tục giao cháu M cho anh L nuôi dưỡng là phù hợp. Cháu Nguyễn Đ đang chung sống ổn định với chị T, anh L không có ý kiến phản đối. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử giao cháu M cho anh L và giao cháu Đ cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Do anh L, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Anh L, chị T đều được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002394 ngày 14/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Cẩm M - sinh ngày: 03/11/2009 cho anh L và giao cháu Nguyễn Đ - sinh ngày 12/12/2016 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh L, chị T đều được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002394 ngày 14/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho chị T, anh L biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành án.
- Đương sự;
- UBND xã
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Thúy An**